

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 05-6-2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tấn;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phước Thị Kim Huê;

2. Ông Kim Diễm;

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiết Thị Long, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 135/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp Ch, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Kim Th, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp Ch, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã TS, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2022, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày: Do quen biết nhau nên vào ngày 10/10/2020 (AL) anh Kim Th có vay tiền 100.000.000 đồng và có làm biên nhận do anh Th viết tay, ký tên, với lãi suất 1.000.000 đồng/tháng tương đương 1%/tháng. Tuy nhiên anh Th chỉ đóng lãi cho bà được 02 tháng cụ thể ngày 10/11/2020 (AL) đóng lãi 1.000.000 đồng và ngày 10/12/2020 (AL) đóng lãi 1.000.000 đồng. Sau đó anh Th ngưng đóng lãi cho đến nay.

Nay bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án buộc anh Kim Th phải trả số tiền 116.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2021 (AL) đến ngày 10/4/2022 (AL) là 16 tháng bằng 16.000.000 đồng. Không yêu cầu lãi phát sinh.

Theo bản tự khai ngày 02/11/2022 và ngày 16/02/2023, quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Kim Th trình bày: Vào ngày 10/10/2020 (AL) anh có vay của bà Trần Thị D số tiền là 100.000.000 đồng, với lãi suất 1.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay thì anh đã đóng lãi cho bà D được 02 tháng là 2.000.000 đồng. Nay với yêu cầu của bà D khởi kiện yêu cầu trả 116.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2021 (AL) đến ngày 10/4/2022 (AL) là 16 tháng bằng 16.000.000 đồng thì anh đồng ý trả nhưng do đang khó khăn nên xin trả dần cho đến khi hết số nợ trên.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cụ thể như sau:

- Về thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng xác định đúng quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Về thu thập chứng cứ đúng trình tự tại Điều 97, 98 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Về việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định tại các Điều 175, 177, 196, 220 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Về thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Đối với người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về thủ tục tiến hành hòa giải và tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định các Điều 205, 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3, Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Kim Th phải trả số tiền 116.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2021 (AL) đến ngày 10/4/2022 (AL) là 16 tháng bằng 16.000.000 đồng và chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án buộc anh Kim Th phải trả số tiền 116.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2021 (AL) đến ngày 10/4/2022 (AL) là 16 tháng bằng 16.000.000 đồng, không yêu cầu lãi phát sinh nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”; Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Trà Cú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú theo quy định tại khoản 3, Điều 26; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 36; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Kim Th thừa nhận vào ngày 10/10/2020 (AL) anh có vay của bà Trần Thị D số tiền là 100.000.000 đồng, với lãi suất 1.000.000 đồng/tháng. Sau khi vay thì anh đã đóng lãi cho bà D được 02 tháng là 2.000.000 đồng. Phù hợp với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án buộc anh Kim Th phải trả số tiền 116.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2021 (AL) đến ngày 10/4/2022 (AL) là 16 tháng bằng 16.000.000 đồng), không yêu cầu lãi phát sinh. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với việc không yêu cầu lãi phát sinh sau ngày 10/4/2022 (AL) của bà Trần Thị D. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị giải quyết về nội dung vụ án của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bằng 5.800.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Kim Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 92; khoản 1, Điều 147; Điều 184; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D.

Buộc bị đơn anh Kim Th phải trả cho bà Trần Thị D số tiền 116.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/01/2021 (AL) đến ngày 10/4/2022 (AL) là 16 tháng bằng 16.000.000 đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Th hành án có quyền chủ động ra quyết định Th hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người được Th hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Th hành án) cho đến khi Th hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải Th hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Th hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Kim Th phải chịu 5.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị D không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Bà Trần Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 2.900.000 đồng theo biên lai thu số 0012657 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; Thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tấn